TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/KDTM - ST
Ngày: 06 tháng 11 năm 2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*:** Bà Võ Thị Thanh Thúy
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Bà Nguyễn Thị Bắc
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hải –Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2017/TLST - KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2017 về "***Tranh chấp Hợp đồng tín dụng***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2017/QĐXXST - KDTM ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST - KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**

Địa chỉ: 35 đường HV, quận HK, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Thẩm Hữu C** – Phó Giám đốc Phòng giao dịch PĐ – Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai

Địa chỉ: 29 đường LD, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(Theo các Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ BIDV ngày 28/10/2016 và Quyết định số 775/QĐ – BIDV.GL ngày 25/5/2017)

Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 08, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Mỹ Y**, sinh năm 1974
Địa chỉ: Tổ 08, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2017, bản tự khai ngày 16/6/2017, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ ông Thẩm Hữu C trình bày:

Theo các quyết định ủy quyền về việc ký và thực hiện hợp đồng và các văn bản liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, ngày 25/4/2015 Phòng giao dịch PĐ thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5842060/HĐTD với ông Nguyễn Đức T. Theo Hợp đồng, Ngân hàng đã cho ông Nguyễn Đức T vay số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng để bổ sung vốn kinh doanh hàng trang trí nội thất, thời hạn vay 09 tháng; lãi suất trong hạn là là 9.5%/ năm được cố định đến hết ngày 25/5/2015, từ ngày 26/5/2015 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 09 tháng do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông báo từng thời kỳ cộng thêm phí Ngân hàng là 3.2%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay; lãi suất nợ quá hạn là 120% lãi suất trong hạn, trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn tính theo lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh. Cùng ngày, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T vay với số tiền 450.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại tổ 8, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai với diện tích 144m^2 trong đó có 100m^2 đất ở và 44m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 04A, tờ bản đồ số 23 và 01 nhà ở tư nhân, diện tích xây dựng 85.20 m^2, diện tích sàn 172.95 m^2, số tầng 02 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 297382 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/11/2011 cho ông Nguyễn Đức T, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 17/10/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần mời ông T và bà Y đến làm việc đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông T chỉ trả được 10.300.000 đồng tiền lãi, có biểu hiện chây ỳ, kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ và thiếu thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Từ ngày 26/01/2016 Ngân hàng đã chuyển lãi quá hạn đối với khoản vay trên.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc ông Nguyễn Đức T thanh toán số tiền 581.147.250 đồng trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng và

lãi vay tính đến ngày 06/11/2017 là 131.147.250 đồng. Trường hợp ông Nguyễn Đức T không thanh toán được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 17/10/2013 để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức Thọ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ Y:

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định từ cuối năm 2015, ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y không còn cư trú tại địa chỉ tổ 8, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai, hiện không xác định được địa điểm nơi ông T và bà Y chuyển đến sinh sống, làm việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và triệu tập đối với ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y để ông bà trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện trên nhưng ông T và bà Y không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa; đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Thẩm Hữu C chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ Y, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, ông Nguyễn Đức T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 581.147.250 đồng trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi vay tạm tính đến ngày 06/11/2017 là 131.147.250 đồng, lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Nguyễn Đức T không thanh toán được nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để thu hồi nợ. Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Do ông Nguyễn Đức T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5842060/HĐTD giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia

Lai - Phòng giao dịch PĐ và ông Nguyễn Đức T để bổ sung vốn kinh doanh hàng trang trí nội thất nên đây là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Các bên tham gia giao kết hợp đồng đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giải quyết tranh chấp, tuy nhiên thỏa thuận này không phù hợp với quy định tại Điều 33 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011 về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại nên không có hiệu lực. Bị đơn ông Nguyễn Đức T cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Đức T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ Y tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông T, bà Y vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn ĐứcT và bà Trần Thị Mỹ Y.

Ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y không thể hiện ý chí cá nhân đối với khoản vay và xử lý tài sản thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch PĐ tuy nhiên vào thời điểm vay cũng như thế chấp tài sản ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y đều trực tiếp ký vào Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5842060/HĐTD ngày 25/4/2015 cũng như Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 17/10/2013. Vào thời điểm ký kết ông T và bà Y có đủ năng lực hành vi dân sự, không có chứng cứ chứng minh ông bà bị ép buộc hay lừa dối phải ký kết các hợp đồng này.

Bên cạnh đó, chủ thể cho vay trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5842060/HĐTD ngày 25/4/2015 là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch PĐ trong phạm vi ủy quyền về việc ký và thực hiện hợp đồng và các văn bản liên quan đến hoạt động cấp tín dụng; đối tượng, mục đích giao kết phù hợp quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Ngày 25/4/2015, ông Nguyễn Đức T đã thực hiện việc rút vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch PĐ với số tiền 450.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đức T chỉ trả được 10.300.000 đồng tiền lãi sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng hoặc theo quý và trả nợ gốc khi đến hạn nên ngày 26/01/2016 Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã chuyển lãi quá hạn là phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng và điều kiện và điều khoản vay đính kèm Hợp đồng tín dụng.

Lãi suất do các bên thỏa thuận tuân thủ quy định về mức lãi của Ngân hàng Nhà nước và chính sách của Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Đ nên được xác định là căn cứ tính lãi. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng nói trên chấm dứt khi ông Nguyễn Đức T thanh toán xong cả gốc, lãi và phí (nếu có) của toàn bộ những khoản vay phát sinh từ Hợp đồng nên ông Nguyễn Đức T phải trả lãi cho đến ngày xét xử 06/11/2017 và tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán xong các khoản nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông Nguyễn Đức T thanh toán số tiền 581.147.250 đồng trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi vay tính đến ngày 06/11/2017 là 131.147.250 đồng. Xét yêu cầu này phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật nên cần buộc ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 17/10/2013, ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Tổ 8, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai, diện tích 144 m^2 trong đó có 100 m^2 đất ở và 44 m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 04A, tờ bản đồ số 23; trên đất có 01 nhà ở tư nhân, diện tích xây dựng 85.20 m^2, diện tích sàn 172.95 m^2, số tầng 02 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 297382 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/11/2011 cho ông Nguyễn Đức T để đảm bảo thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong tương lai tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 17/10/2013 được lập thành văn bản và công chứng tại Phòng công chứng XT ngày 17/10/2013, tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố P ngày 21/10/2013 theo đúng quy định của giao dịch bảo đảm.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BĐ 297382 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/11/2011 cho ông Nguyễn Đức T là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp là vợ chồng ông T, bà Y.

Đối với tài sản là 01 nhà ở tư nhân, diện tích xây dựng 85.20 m^2, diện tích sàn 172.95 m^2, số tầng 02, tài sản này chưa được cấp chứng nhận sỡ hữu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật nhà ở năm 2005 ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y không được quyền thế chấp. Tuy nhiên căn nhà được xây dựng trên lô đất thuộc quyền sử dụng của ông T, bà Y, là một khối thống nhất không thể tách rời; hợp đồng thế chấp được lập trước hợp đồng vay thể hiện ngay từ thời điểm thế chấp ý chí của ông T, bà Y dùng toàn bộ tài sản là nhà và đất thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của họ đảm bảo cho khoản vay; mặc dù ông T, bà Y chưa được cấp chứng nhận sở hữu nhưng giấy phép xây dựng cũng như bản xác nhận công trình xây dựng đã hoàn thành đều đứng tên ông Nguyễn Đức T; tại thời điểm giải quyết vụ án, không có cá nhân, tổ chức nào tranh chấp với ông T, bà Y về quyền sở hữu đối với nhà ở tư nhân nói trên.Vì vậy việc ông T, bà Y chưa được cấp chứng nhận sở hữu nhà do chưa hoàn thành đầy đủ thủ tục cấp giấy chứng nhận không ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp đồng thế chấp.

Theo Hợp đồng thế chấp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phát sinh quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy trường hợp ông Nguyễn Đức T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy

đủ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí

20.000.000 đồng + 4% x 181.147.250 đồng = 27.245.890 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 122, 280, 281, 283, 294, 342, 344, 351, 355, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 30, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2011;
- Căn cứ các Điều 4; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 97, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức T thanh toán nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Đức T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai số tiền 581.147.250 đồng trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng và lãi vay tính đến ngày 06/11/2017 là 131.147.250 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng tín dụng và điều kiện và điều khoản vay (đính kèm Hợp đồng tín dụng) đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Đức T không thanh toán được nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp là tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Tổ 8, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai, diện tích 144 m^2 trong đó có 100 m^2 đất ở và 44 m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 04A, tờ bản đồ số 23; trên đất có 01 nhà ở tư nhân, diện tích xây dựng 85.20 m^2, diện tích sàn 172.95 m^2, số tầng 02 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 297382 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/11/2011 cho ông Nguyễn Đức T theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐ ngày 17/10/2013.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 27.245.890 (Hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Gia Lai được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.024.535 (Mười ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0003319 ngày 16/6/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị Mỹ Y vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Thúy